

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG THCO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG THCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109358594

**3. Ngày thành lập:** 30/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, Số 202 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                | 1079        |
| 2.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>(trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)                                                   | 2023        |
| 3.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(trừ răng giả, kính thuốc)                                                               | 3250        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                                            | 4632(Chính) |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                | 4722        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                 | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |
| 8.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                               | 7310        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                            | 8220        |
| 11. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Thiết lập mạng xã hội (Điều 23 Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Chính Phủ) | 6312        |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                | 7320        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224 |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 15. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ tìm kiếm thông tin                                                                                                                                                                                     | 6399 |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hoá)                                                                                                                                              | 4610 |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                      | 4781 |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>- Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;<br>(Không bao gồm hoạt động Đấu giá bán lẻ qua internet ) | 4791 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                          | 4789 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;                                                                                                                                                                                | 4933 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                       | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038094013103

Ngày cấp: 09/07/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thiện Chính, Xã Dân Lực, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thiện Chính, Xã Dân Lực, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội